

Bản án: 93/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2020
V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt

2. Bà Trương Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/QĐ.ST – HPT ngày 20/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà Q xin vắng mặt, ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/12/2019 và tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng, sống với nhau năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 14 tháng 12 năm 2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông B vẫn không thay đổi tính tình. Bà đã cho ông B nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thực hiện được. Bà và ông B đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian ly thân không hàn gắn. Nay thấy tình cảm không còn yêu thương và cũng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

Về con chung: Bà và ông B chung sống nhau có 02 con chung tên Nguyễn Thúy A, sinh ngày 25/9/2006 và Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 04/7/2012, hiện nay các con chung bà trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Q xác định tài sản chung bà và ông B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh B được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q. Ông B cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Đối với bà Q, bà có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thăm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Thanh B cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/12/2002 (số 67/2002) nên quan hệ hôn nhân của bà Q và ông B được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà Q cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông B không quan tâm chăm sóc gia đình nên mới xin ly hôn. Ông B được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà Q yêu cầu xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông B không có ý kiến, không thể hiện ý chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại bản tự khai của bà Q xác định không còn tình cảm với ông B và cương quyết ly hôn. Điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân của bà Q và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Q đối với ông Nguyễn Thanh B.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về việc nuôi con ông B không có ý kiến phản hồi về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con con, xét thấy bà Q hiện đang nuôi các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử giao cháu A và cháu Q cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

[4] Về tài sản chung: Bà Q xác định bà và ông B tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của bà Q và ông B.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Q đối với ông Nguyễn Thanh B về việc “Ly hôn”

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thúy A, sinh ngày 25/9/2006 và cháu Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 04/7/2012. Ông Nguyễn Thanh B không cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004564, ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hoà
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Lộc Giang
- Dương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Tài

